

QUỐC HỘI
Số: 29/2004/QH11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2004

NGHỊ QUYẾT

**Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất
đến năm 2005 của cả nước**

QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10, ngày 25 tháng 10 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Luật đất đai;

Sau khi xem xét Tờ trình số 576/CP - NN ngày 4 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2005 của cả nước, Báo cáo thẩm tra số 824/UBKTNS ngày 10 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban kinh tế và ngân sách của Quốc hội và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

I. THÔNG QUA QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2010 CỦA CẢ NƯỚC VỚI CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NHƯ SAU:

1. Nhóm đất nông nghiệp: 25.627.400 ha

a) Đất sản xuất nông nghiệp: 9.363.000 ha

Trong đó: Đất trồng lúa nước: 3.861.400 ha

- Đất trồng lúa nước 2 vụ trở lên: 3.300.000 ha

b) Đất lâm nghiệp có rừng: 16.243.700 ha

Trong đó: Rừng trồng mới và khoanh nuôi tái sinh 4.922.300 ha, bao gồm:

- Rừng trồng mới: 3.358.800 ha

- Rừng khoanh nuôi tái sinh: 1.563.500 ha

Tỷ lệ che phủ bằng cây rừng tập trung đạt 43,2% diện tích đất tự nhiên và chiếm 92% đất lâm nghiệp.

c) Đất làm muối: 20.700 ha

2. Nhóm đất phi nông nghiệp: 3.925.300 ha

a) Đất ở: 1.035.300 ha

Trong đó: - Đất ở nông thôn: 936.000 ha

- Đất ở đô thị: 99.300 ha

b) Đất chuyên dùng: 2.145.400 ha

3. Đất có khả năng sử dụng nhưng chưa sử dụng: 3.371.400 ha.

II. THÔNG QUA KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2005 CỦA CẢ NƯỚC VỚI CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NHƯ SAU:

1. Nhóm đất nông nghiệp: 22.948.700 ha

a) Đất sản xuất nông nghiệp: 9.037.800 ha

Trong đó: Đất trồng lúa nước: 4.039.400 ha

b) Đất lâm nghiệp có rừng: 13.889.500 ha

Trong đó: Rừng trồng mới và khoanh nuôi tái sinh 2.427.300 ha, bao gồm:

- Rừng trồng mới: 1.356.400 ha

- Rừng khoanh nuôi tái sinh: 1.070.900 ha

Tỷ lệ che phủ bằng cây rừng tập trung đạt 36,8% diện tích đất tự nhiên và chiếm 77,2% đất lâm nghiệp.

c) Đất làm muối: 21.400 ha

2. Nhóm đất phi nông nghiệp: 3.606.000 ha

a) Đất ở: 1.014.900 ha

Trong đó: - Đất ở nông thôn: 931.200 ha

- Đất ở đô thị: 83.700 ha

b) Đất chuyên dùng: 1.846.500 ha

3. Đất có khả năng sử dụng nhưng chưa sử dụng: 6.369.400 ha.

III. CĂN CỨ VÀO NGHỊ QUYẾT NÀY, CHÍNH PHỦ CHỈ ĐẠO CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH